

Ngày soạn: 3/2024

Ngày dạy: 3/2024

ÔN TẬP CHƯƠNG VII

Môn học: Toán; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 70) (Số)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: HS hệ thống lại được các kiến thức trọng tâm của chương VII. So sánh hai số thập phân. Các phép tính có liên quan đến số thập phân. Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.

2. Về năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân. Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán, làm được một số bài toán thực tiễn. HS biết làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

3. Về phẩm chất: Rèn luyện ý thức tìm tòi, khám phá, ý thức làm việc nhóm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ hoặc máy chiếu.

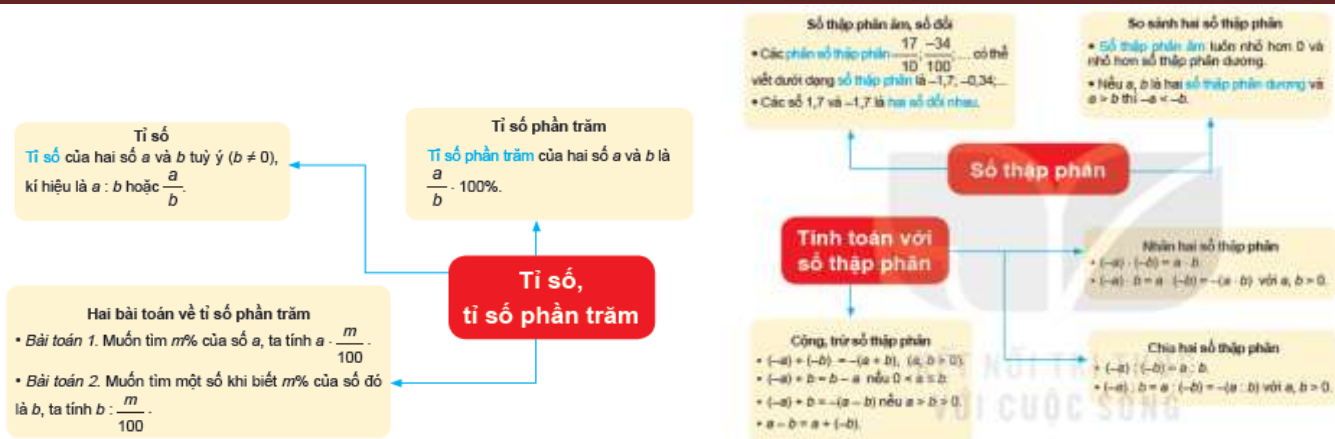
2. Học sinh: SGK, bảng nhóm.

III. Tiến trình dạy học**Hoạt động 1: Khởi động**

a) Mục tiêu: Hs thấy được sự cần thiết phải hệ thống lại kiến thức chương VII để vận dụng vào làm các bài tập tổng hợp kiến thức VII.

b) Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c) Sản phẩm học tập: Từ hệ thống câu hỏi Gv đưa ra, Hs nhớ lại các kiến thức trọng tâm đã học trong chương VII.



d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv nêu câu hỏi: Dùng sơ đồ tư duy tóm tắt lại các kiến thức trọng tâm mà em đã học trong chương VII.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs tóm tắt các kiến thức đã học qua sơ đồ tư duy.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Hs làm được bài tập vào phiếu hoạt động và có kết quả nhóm trong phiếu báo cáo kết quả hoạt động.

- Đổi chéo kết quả để chấm chéo theo hướng dẫn của GV.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Gv chiếu sơ đồ tư duy về các kiến thức trọng tâm đã học trong chương VII, Hs quan sát và tự đánh giá kết quả thu nhận được của mình.

- Sơ đồ tư duy tóm tắt các kiến thức trọng tâm của chương VII

- Gv: Trên đây là các kiến thức trọng tâm của chương VII mà em đã học. Tiếp theo trong tiết học này các em sẽ được vận dụng các kiến thức đó vào các bài toán tổng hợp.

Hoạt động 2: Luyện tập, vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng được các kiến thức đã học để làm các bài tập về số hữu tỷ, giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

b) Nội dung: Làm các bài tập 7.26; 7.27; 7.30 SGK trang 42.

c) Sản phẩm: Lời giải các bài tập từ 7.26; 7.27; 7.30 SGK trang 42.

*** Luyện tập**

Dạng 1: Thực hiện phép tính

Bài 7.26-SGK/42. Tính giá trị của các biểu thức sau :

a) $15,3 - 21,5 - 3,1,5$
 $= 15,3 - 21,5 - 4,5$
 $= -6,2 - 4,5$
 $= -10,7$

b) $2(4^2 - 2,4,1) + 1,25 : 5$
 $= 2.(16 - 8,2) + 0,25$
 $= 2.7,8 + 0,25$
 $= 15,6 + 0,25 = 15,85$

*** Dạng 2. Tìm x****Bài 1.** Tìm x , biết:

a) $x + 0,5 = 5,2$

$x = 5,2 - 0,5$

$x = 4,7$

Vậy $x = 4,7$

c) $x : 2,5 = 1,02 + 3.1,5$

$x : 2,5 = 1,02 + 4,5$

$x : 2,5 = 5,52$

$x = 5,52.2,5$

$x = 13,8$

Vậy $x = 13,8$

b) $x.0,2 = 3,4 + 2.1,5$

$x.0,2 = 3,4 + 3$

$x.0,2 = 6,4$

$x = 6,4 : 0,2 = 3,2$

Vậy $x = 3,2$ *** Dạng 3: Toán thực tế:****Bài 7.29:**Chiều cao của con Big Jake là: $44,5.4,72=210,04$ (cm).**Bài 7.30- SGK/42**Số tiền giam con rô - bốt là: $\frac{300000}{100}.15=45000$ (đồng)Số tiền mẹ Việt phải trả mua con rô-bốt là : $300000 - 45000 - 255000$ (đồng)**Bài 7.31:**Đổi $5,4 \text{ km}=540\ 000 \text{ cm}$ Nếu vẽ trên bản đồ tỉ lệ xích 1: 100 000 thì cầu Bạch Đằng dài bao nhiêu xentimet là:
 $540\ 000 . (1: 100\ 000)=5,4 \text{ cm}.$ **d) Tổ chức thực hiện:****Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 1**

Yêu cầu HS làm bài tập 7.26/42

Nhắc lại thứ tự thực hiện phép tính?

Yêu cầu HS hoạt động nhóm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1

- HS thực hiện các yêu cầu trên.

- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 7.26/42.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận 1

- GV yêu cầu vài HS phát biểu thứ tự thực hiện phép tính.

- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.

- Cả lớp quan sát và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 1

- GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 2

Yêu cầu HS làm bài tập1

Yêu cầu hoạt động nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2

- HS thực hiện các yêu cầu trên.
- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 1

Bước 3. Báo cáo, thảo luận 2

- GV yêu cầu vài HS phát biểu thứ tự thực hiện phép tính.
- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.
- Cả lớp quan sát và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 2

- GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS, lưu ý: để thực hiện phép tính ta phải thay giá trị của a vào biểu thức. Vận dụng các quy tắc chuyển vế và quy tắc cộng, trừ, nhân, chia số thập phân để thực hiện phép tính

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 3

- Làm bài tập 7.29, 7.30, 7.31 SGK trang 42 theo cặp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3

- HS đọc, tóm tắt đề bài và làm bài theo cặp.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận 3

- GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.
- Cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 3

- GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.

*** Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Xem lại lý thuyết và các dạng bài tập đã chữa
 - Làm bài tập 7.28;7.29; 7.31 SGK /42
-

Ngày soạn: 3/2024

Ngày dạy: 3/2024

KIỂM TRA GIỮA KÌ II

Môn học: Toán; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 71) (Số)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: HS củng cố lại được các kiến thức trọng tâm của chương VII; so sánh hai số thập phân; các phép tính có liên quan đến số thập phân; sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn thông qua bài kiểm tra.

2. Về năng lực:

* Năng lực chung: Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được bài kiểm tra tại lớp.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân. Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán, làm được một số bài toán thực tiễn. HS biết làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

3. Về phẩm chất: Rèn luyện ý thức tự lập, tự tin hoàn thành bài kiểm tra.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: Ma trận, đề kiểm tra, đáp án.

2. Học sinh: Dụng cụ học tập, giấy kiểm tra.

Ngày soạn: /3/2024

Ngày dạy: 3/2024

LUYỆN TẬP CHUNG

Môn học: Toán; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết (tiết 35,36) (Hình)

I. Mục tiêu**1. Về kiến thức:**

- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau; về các khái niệm tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

2. Về năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học:

+ Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hay cắt nhau.

+ Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.

+ Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của một đoạn thẳng.

+ Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của một đoạn thẳng có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, nam châm, bảng phụ hoặc máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, thước thẳng, bút dạ, bút màu, bảng nhóm.

III. Tiến trình dạy học**Tiết 1.****Hoạt động 1: Mở đầu (5 phút)**

a) Mục tiêu: Tái hiện lại kiến thức các bài học.

b) Nội dung: HS lần lượt trả lời.

c) Sản phẩm: Kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau; về các khái niệm tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

2. Hoạt động 2: Luyện tập (35 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng được Kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau; về các khái niệm tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

b) Nội dung: Làm ví dụ và các bài tập 8.19; bài 8.20 SGK trang 57, bài tập thực tế.

c) Sản phẩm: Lời giải Ví dụ và bài tập 8.19; bài 8.20 SGK trang 57, bài tập thực tế.

2. Luyện tập

Dạng 1 : Khái quát các kiến thức đã học

VD: SGK trang 57.

Giải (h.8.41).



- a) Những cặp điểm nằm cùng phía đối với điểm M là : B và C ; B và N ; C và N.
- b) Điểm C nằm giữa hai điểm của các cặp điểm : A và B ; A và N ; M và N ; M và B.
- c) C là mút chung của các đoạn thẳng : CN, CB, CM và CA.
- d) Tia đối của tia CN là tia CM (hay CA).
- e) Vì M là trung điểm của đoạn thẳng AC nên :

$$AC = 2AM = 2.1 = 2 \text{ (cm)}.$$

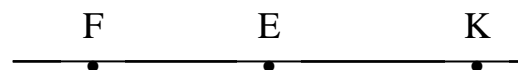
Theo hình vẽ, ta có :

$$AB = AC + CB. \text{ Suy ra :}$$

$$CB = AB - AC = 6 - 2 = 4 \text{ (cm)}.$$

Vì N là trung điểm của đoạn thẳng CB nên :

$$NB = CB : 2 = 4 : 2 = 2 \text{ (cm)}.$$



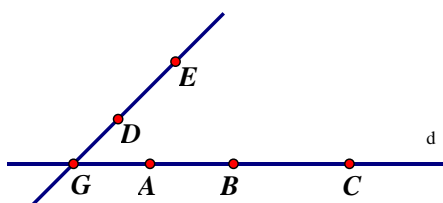
Dạng 2 : Điểm, điểm nằm giữa hai điểm, tia, đoạn thẳng.

Bài tập 8.19 SGK trang 57.

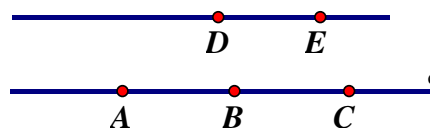
- a) Có 6 đường thẳng : AB, AC, AD, BC, BD, CD.
- b) có 12 tia : AB, AC, AD, BA, BC, BD, CA, CB, CD, DA, DB, DC.
- c) Có 6 đoạn thẳng : AB, AC, AD, BC, BD, CD.

Bài 8.20 SGK trang 57.

- a) Có 8 đường thẳng : AB, AD, AE, BD, BE, CD, CE, DE.
- b) Vẽ đường thẳng DE. Nếu đường thẳng DE cắt d tại một điểm thì đó là điểm G cần tìm (hình a) ; nếu đường thẳng DE song song với d thì không tìm được điểm G thỏa mãn yêu cầu của đầu bài (hình b).



Hình a



Hình b

Dạng 3: Toán thực tế

Bài tập: Hai người đi xe đạp ngược chiều nhau, cùng khởi hành một lúc, người thứ nhất đi từ A với vận tốc 8 km/h. Người thứ hai đi từ B với vận tốc 10 km/h. Sau 2 giờ hai người gặp nhau tại C. Tính độ dài quãng đường AB?

Giải:

Độ dài quãng đường AC là: $S_{AC} = 2.8 = 16$ (km).

Độ dài quãng đường BC là: $S_{BC} = 2.10 = 20$ (km).

Độ dài quãng đường AB là: $S_{AB} = S_{AC} + S_{BC} = 16 + 20 = 36$ (km).

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1

- Gọi 1 HS đọc ví dụ SGK trang 57.
- Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì.
- Để thực hiện được các yêu cầu đó ta vận dụng các kiến thức nào.
- Hoạt động nhóm (7 phút) theo tổ thực hiện ví dụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1

- HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.
- Hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận 1

- GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm quan sát và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 1

- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.
- HS chỉnh sửa nếu cần.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 2

- Khi nào ba điểm thẳng hàng.
- Có mấy đường thẳng phân biệt đi qua hai điểm cho trước.
- Khi nào hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.
- Khi nào điểm M gọi là nằm giữa hai điểm A và B.
- Thế nào là một tia gốc O.
- Đoạn thẳng AB là gì
- Hoạt động cá nhân làm bài tập 8.19 và bài tập 8.20 SGK trang 57.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2

- HS thực hiện các yêu cầu trên.
- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 8.19 và bài 8,20 SGK trang 57.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2

- GV yêu cầu lần lượt các HS trả lời các câu hỏi.
- GV yêu cầu 2 HS lên trình bày.
- Cả lớp quan sát và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 2

- GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.
- HS chỉnh sửa (nếu cần).

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 3

- **Làm bài tập:** Hai người đi xe đạp ngược chiều nhau, cùng khởi hành một lúc, người thứ nhất đi từ A với vận tốc 8 km/h. Người thứ hai đi từ B với vận tốc 10 km/h. Sau 2 giờ hai người gặp nhau tại C. Tính độ dài quãng đường AB?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3

- HS thực hiện yêu cầu trên.
- Hướng dẫn, hỗ trợ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận 3

- GV yêu cầu 1 HSK – G lên bảng trình bày.
- Cả lớp quan sát và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 3

- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS, lưu ý HS có thể trình bày ngắn gọn.

► **Hướng dẫn tự học ở nhà (2 phút)**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học thuộc: Trung điểm của đoạn thẳng.
- Làm bài tập từ 8.21 đến bài tập 8.24 SGK trang 57.
- Chuẩn bị giờ sau: Luyện tập (tiếp).

Tiết 2.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (40 phút)

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng được khái niệm tia, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng để làm các bài tập về tính giá trị độ dài đoạn thẳng, giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

b) **Nội dung:** Làm các bài tập từ 8.21 đến 8.24 SGK trang 57, bài tập thực tế.

c) **Sản phẩm:** Lời giải các bài tập từ 8.21 đến 8.24 SGK trang 57, bài tập thực tế.

3. Luyện tập

- + Tia.
- + Đoạn thẳng AB.
- + Trung điểm I của đoạn thẳng AB.

Dạng 1 : Tia, độ dài đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng:

Bài 8.21 SGK trang 57.

- a) $MN = MO + ON = 5 + 7 = 12$ (cm).
- b) $MK = MN : 2 = 12 : 2 = 6$ (cm) ;
 $OK = MK - MO = 6 - 5 = 1$ (cm).
- c) Điểm K thuộc tia ON.

Bài 8.22 SGK trang 57.

Vì $OB = OA + AB$ nên $AB = OB - OA = 2$ (cm).

$AM = AB : 2 = 1$ (cm) ;

$$OM = OA + AM = 4 + 1 = 5 \text{ (cm)}.$$

Bài 8.23 SGK trang 57.

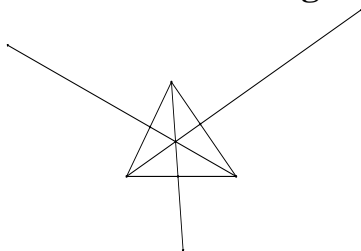
Các bộ ba điểm thẳng hàng là :

A, B, C ; A, B, N ; A, C, N ;

Ba điểm được gọi là thẳng hàng nếu chúng cùng thuộc một đường thẳng.

Dạng 2: Ba điểm thẳng hàng:

Bài 8.24 SGK trang 57.



Dạng 3: Toán thực tế:

Bài tập : Hai nhà A và B cách nhau 10 mét, người ta dự định đào một cái giếng giữa hai nhà. Hãy tìm vị trí của điểm M để đào giếng, sao cho từ mỗi nhà đến giếng là ngắn nhất, và giếng cách đều hai nhà?

Lời giải

Theo bài ra vị trí điểm M phải là trung điểm của đoạn AB, nên ta có:

$$AM = MB = AB:2 = 10:2 = 5 \text{ (m)}$$

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1

- Thế nào là một tia gốc O.
- Đoạn thẳng AB là gì.
- Khi nào I là trung điểm của đoạn thẳng AB
- Làm các bài tập: 8.21 đến 8.23 SGK trang 57.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1

- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.
- Hướng dẫn, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận 1

- GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi.
- GV yêu cầu lần lượt: 1 HS lên bảng làm bài tập 8.21.SGK, 1 HS lên bảng làm bài tập 57, và 1 HS lên bảng làm bài tập 8.22. SGK trang 57
- Cả lớp quan sát và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 1

- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.
- GV cùng HS khái quát.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 2

- Khi nào ba điểm thẳng hàng.
- Làm bài 8.24 theo nhóm (5 phút).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2

- HS thực hiện các yêu cầu trên.
- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 8.24

Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2

- GV yêu cầu vài HS trả lời.
- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.
- Cả lớp quan sát và nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định 2

- GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.

►► Hướng dẫn tự học ở nhà (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Xem lại các bài tập đã chữa.
- Chuẩn bị giờ sau: Kiểm tra giữa kì 2.

Ngày soạn: 3/2024

Ngày dạy: 3/2024

KIỂM TRA GIỮA KÌ II

Môn học: Toán; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 37)(Hình)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: HS củng cố lại được các kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau; về các khái niệm tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

2. Về năng lực:

* Năng lực chung: Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được bài kiểm tra tại lớp.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học:

+ Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hay cắt nhau.

+ Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.

+ Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của một đoạn thẳng.

+ Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái

quát hóa, ... vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của một đoạn thẳng có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

3. Về phẩm chất: Rèn luyện ý thức tự lập, tự tin hoàn thành bài kiểm tra.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: Ma trận, đề kiểm tra, đáp án.

2. Học sinh: Dụng cụ học tập, giấy kiểm tra.

Nguyễn Thị Minh Lợi